CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO

Ngày 28/06/2024	27,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**16.7%**	**21.8%**

DT thuần
Q2/24
42.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.1| 68.6%
YoY: ▼14.2| -25.1%

LN thuần
Q2/24
19.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.0| 354%
YoY: ▼11.1| -36.4%

LN sau thuế
Q2/24
15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.4| 276%
YoY: ▼8.80| -36.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
46.3%
YoY: +/-▲ 27.7%

ROE (TTM)
Q2/24
12.7%
YoY: +/-▼ 1.3%

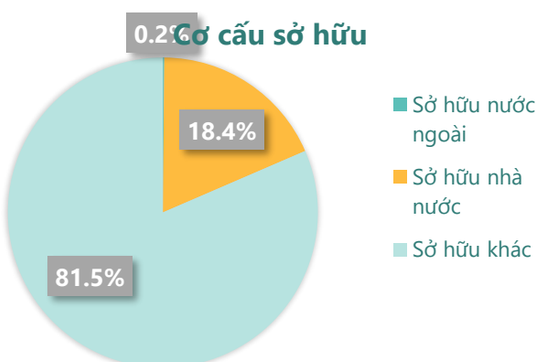
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	17,191 - 26,982
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,215
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,830
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.14
EPS	1,689
P/E	16.0

DT thuần
6T 2024
67.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼25.5| -27.5%

LN thuần
6T 2024
23.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.3| -47.4%

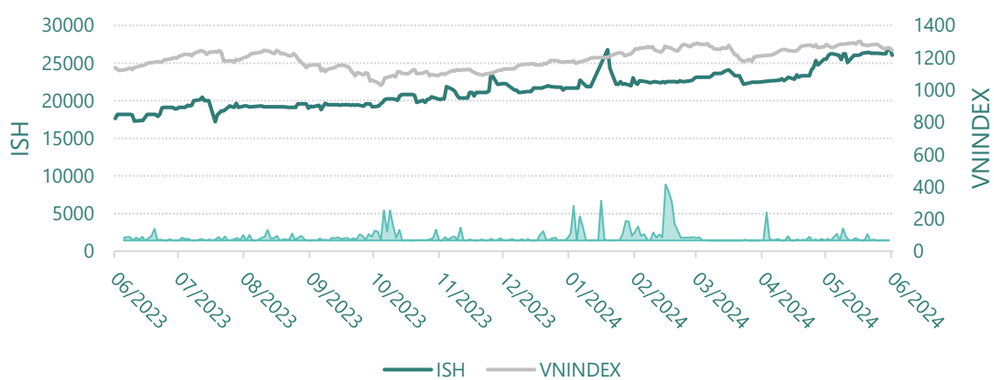
LN sau thuế
6T 2024
19.7
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -46.5%

Cơ cấu sở hữu

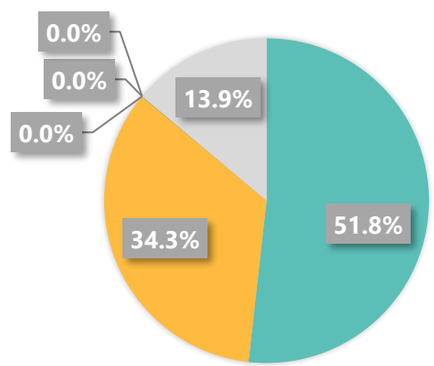


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

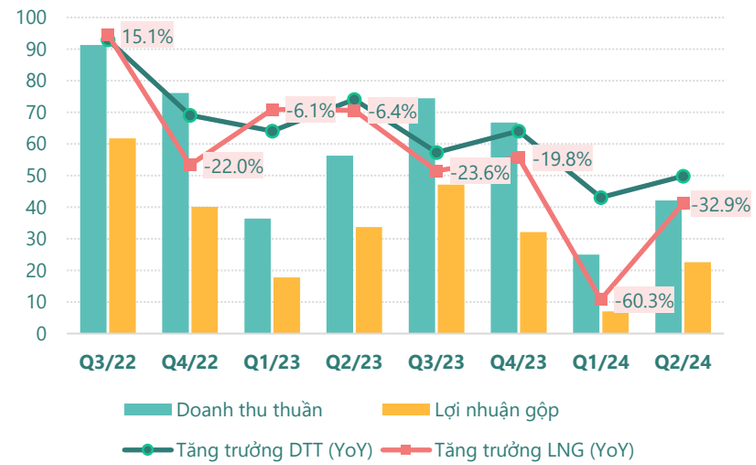


- Tổng công ty IDICO - CTCP
- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Nguyễn Thị Hiền
- Nguyễn Văn Dinh
- Phạm Văn Toán
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

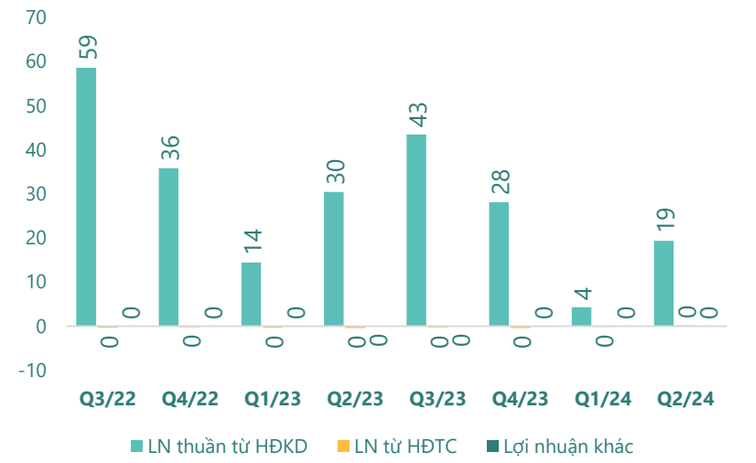
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



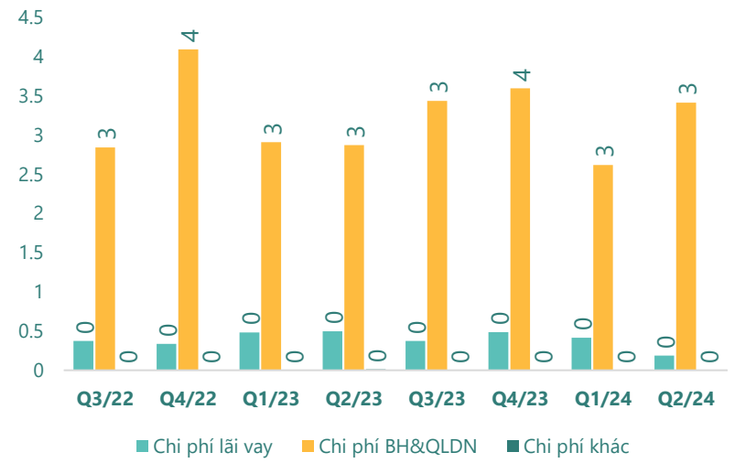
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



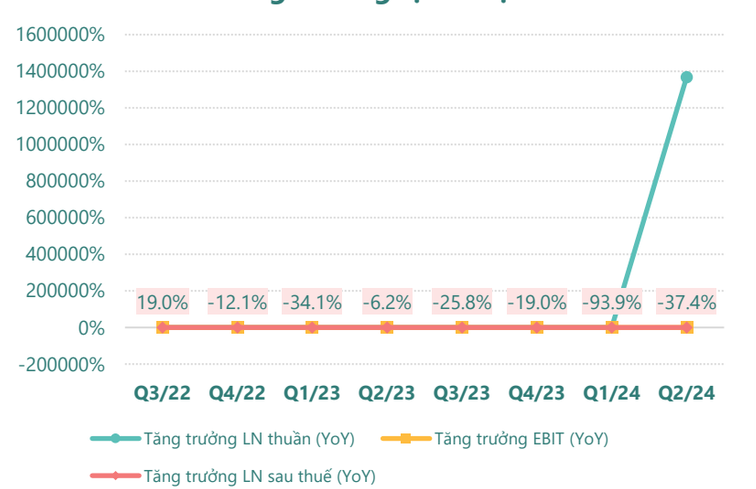
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



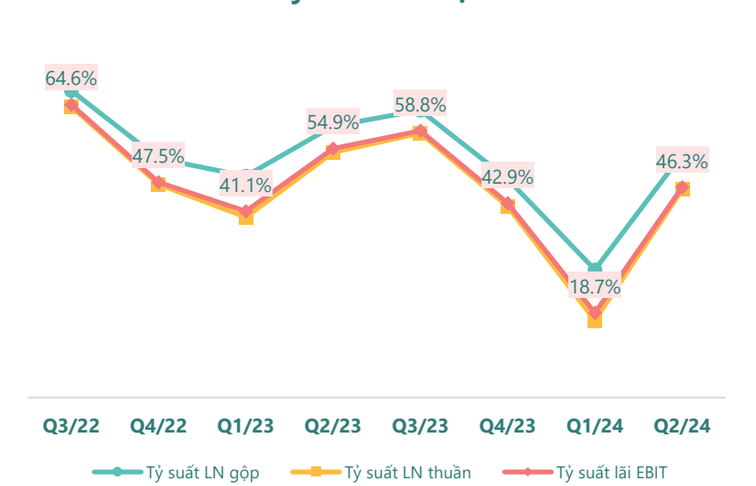
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



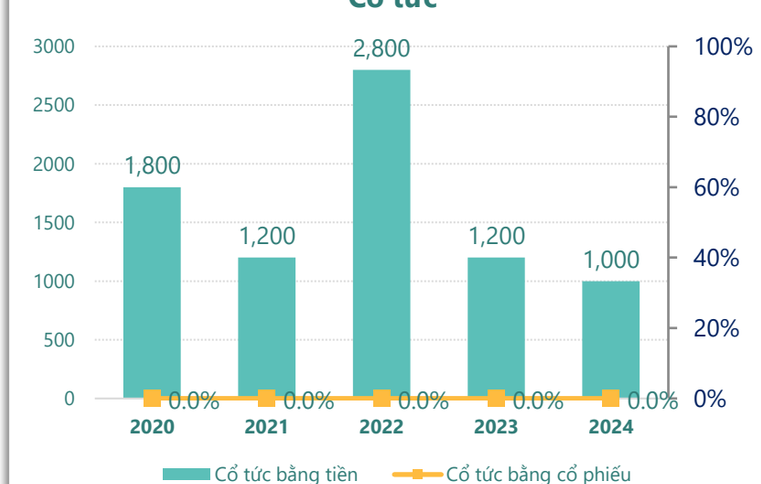
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

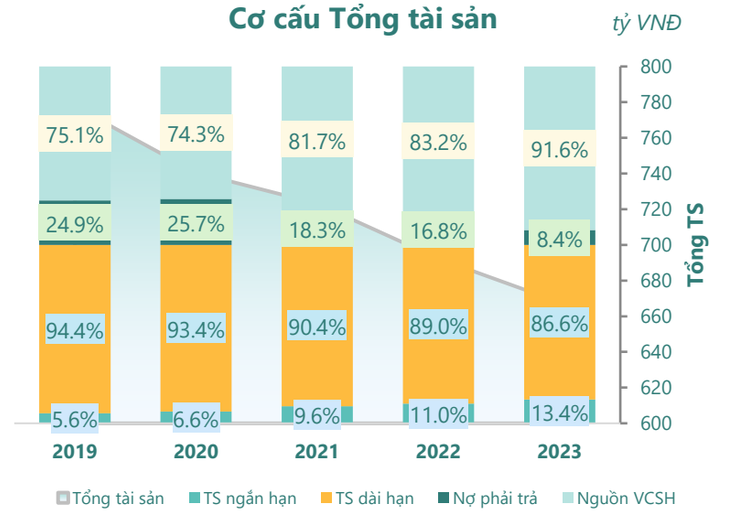
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

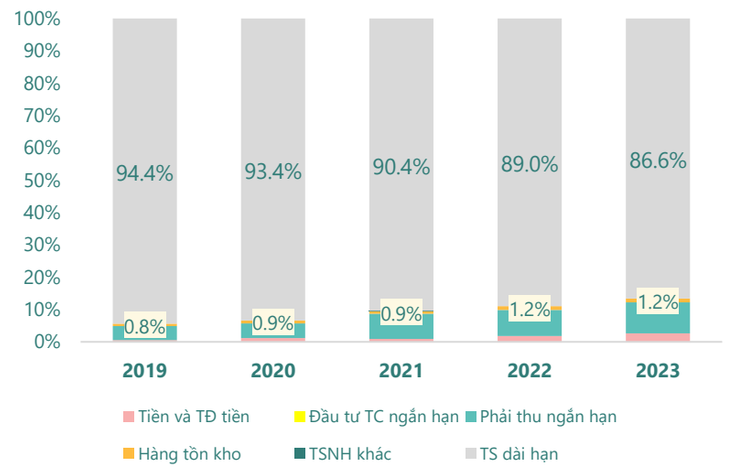
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



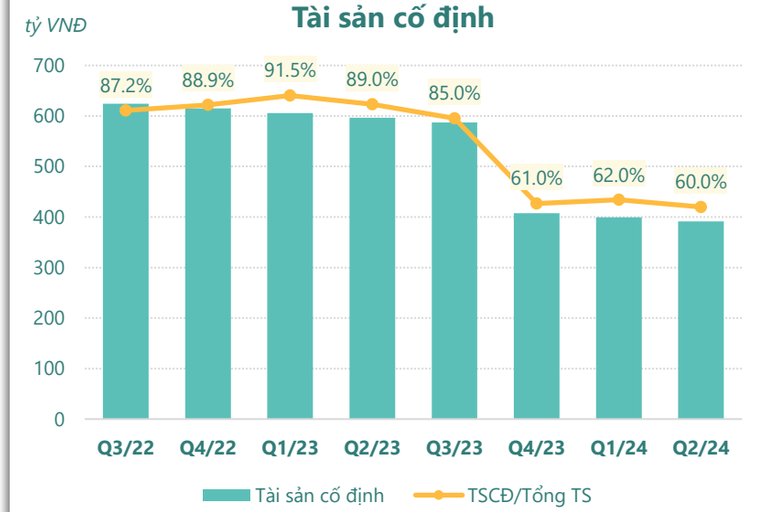
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



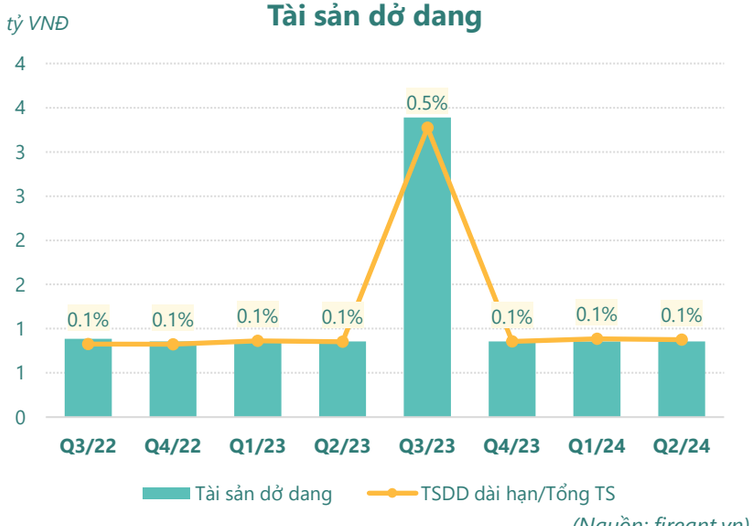
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



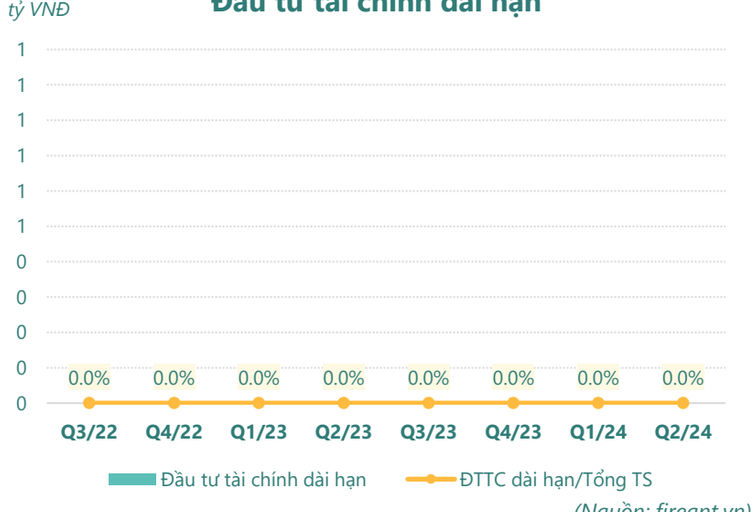
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



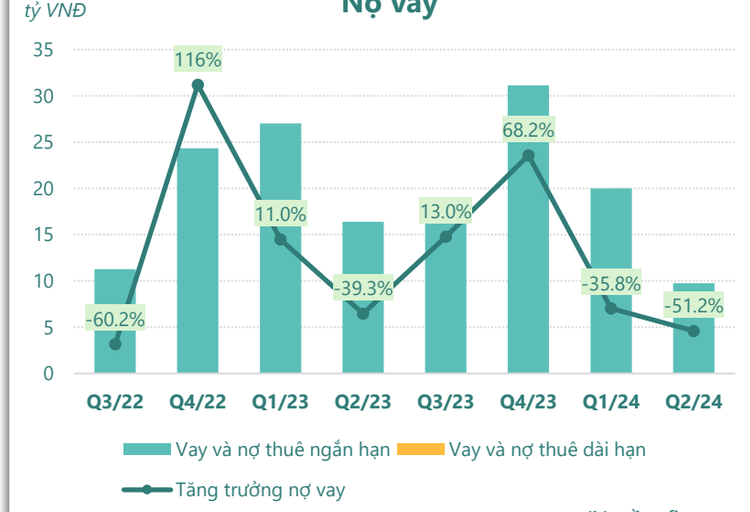
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

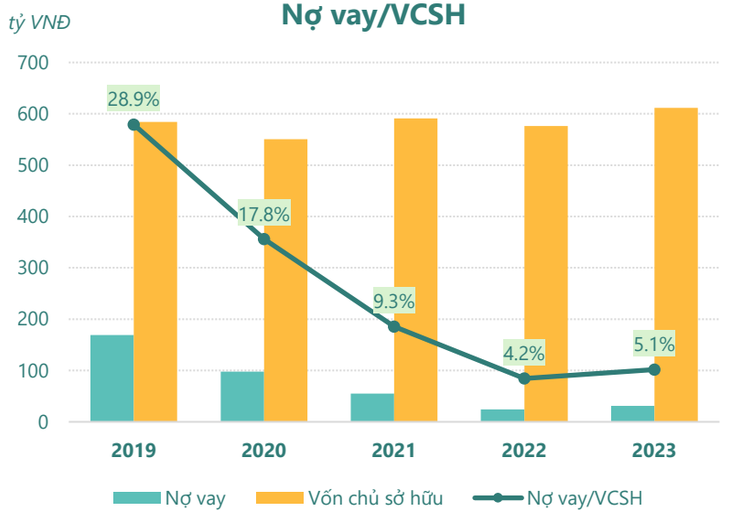
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

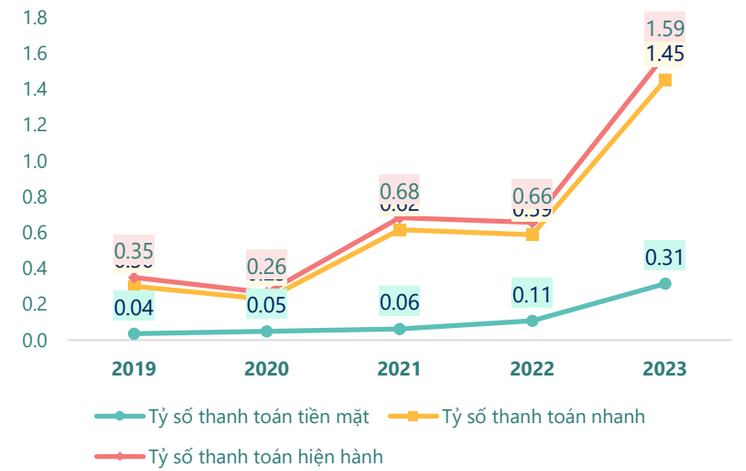
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



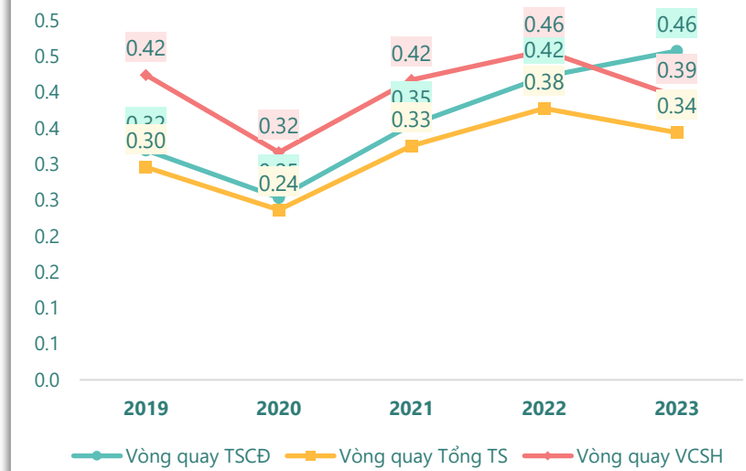
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



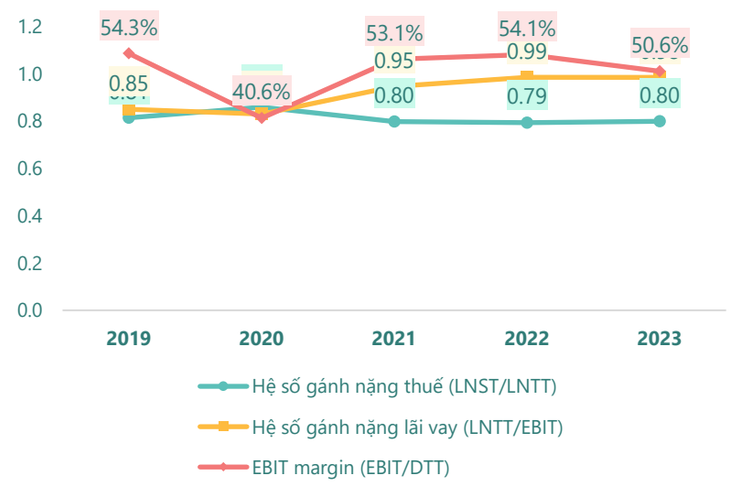
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



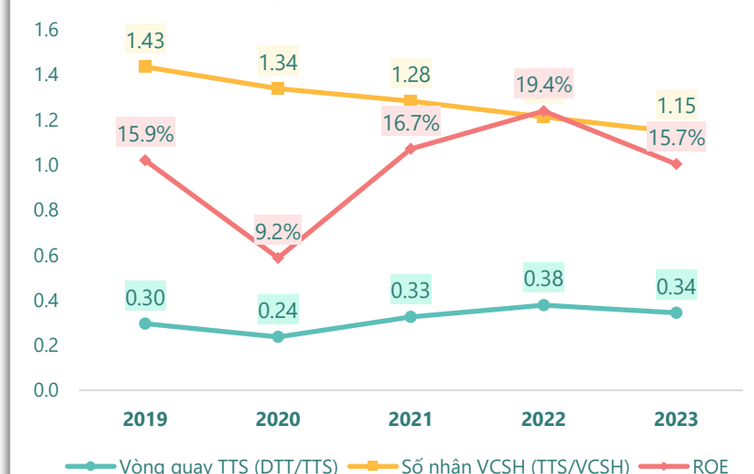
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



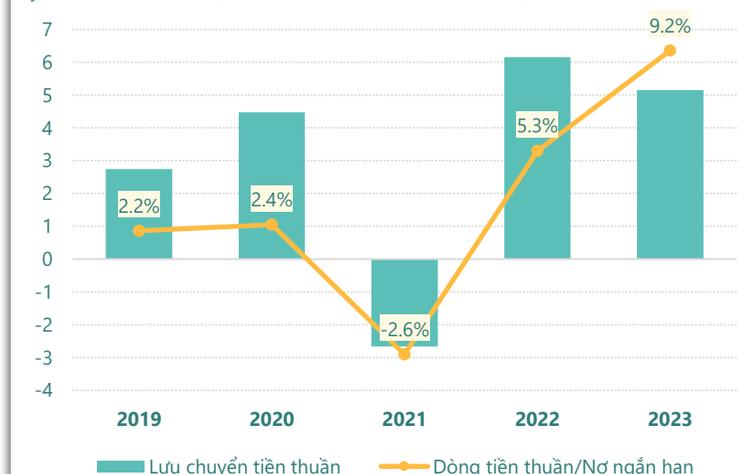
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**42.1**	**56.3**	**-25.1%**	**67.2**	**92.7**	**-27.5%**
Giá vốn hàng bán	19.5	22.6	-13.5%	37.5	41.2	-9.0%
Lợi nhuận gộp	22.6	33.7	-32.9%	29.7	51.5	-42.4%
Doanh thu HĐTC	0.33	0.08	311%	0.56	0.18	211%
Chi phí TC	0.19	0.50	-62.8%	0.60	0.98	-38.7%
Chi phí lãi vay	0.19	0.50	-62.8%	0.60	0.98	-38.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**3.41**	**2.87**	**19.0%**	**6.03**	**5.78**	**4.3%**
LN thuần từ HĐKD	19.3	30.4	-36.4%	23.6	44.9	-47.4%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**-0.01**	**230%**	**0.01**	**-0.01**	**217%**
LN trước thuế	19.3	30.4	-36.4%	23.6	44.9	-47.4%
Lợi nhuận sau thuế	**15.5**	**24.3**	**-36.1%**	**19.7**	**36.7**	**-46.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.5**	**24.3**	**-36.1%**	**19.7**	**36.7**	**-46.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	15.4	16.5	33.7	40.8	26.9	20.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.02	0.07	0.12	0.25	0.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-16.1	-20.3	-24.0	-41.3	-11.3	-10.2
Tiền đầu kỳ	12.5	11.9	8.18	17.9	17.6	33.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.59**	**-3.72**	**9.75**	**-0.28**	**15.8**	**10.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	11.9	8.18	17.9	17.6	33.5	43.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**652**	**668**	**-2.3%**
Tài sản ngắn hạn	92.4	89.3	3.5%
Tiền và tương đương tiền	43.6	17.6	147%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.8	63.7	-35.9%
Hàng tồn kho	7.94	7.97	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**560**	**579**	**-3.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	391	407	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.86	0.86	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**168**	**170**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	68.4	56.1	21.9%
Nợ ngắn hạn	**68.4**	**56.1**	**21.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.76	31.2	-68.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.14	0.16	-13.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**584**	**612**	**-4.6%**
Vốn chủ sở hữu	**584**	**612**	**-4.6%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)